

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
KHU VỰC 13 - THANH HÓA**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 16/2025/HS-ST

Ngày 02 tháng 12 năm 2025

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

TÒA ÁN NHÂN DÂN KHU VỰC 13 - THANH HÓA

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Lê Xuân Hoàng.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Ngô Thị Lan và bà Phan Thị Mấy.

- Thư ký phiên tòa: Ông Nguyễn Trọng Tiến - Thư ký Tòa án, Tòa án nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 - Thanh Hóa tham gia phiên tòa: Bà Vi Thị Hồng - Kiểm sát viên.

Trong ngày 02 tháng 12 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân khu vực 13 – Thanh Hóa, xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số: 11/2025/TLST-HS ngày 06 tháng 10 năm 2025, theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 16a/2025/QĐXXST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2025 đối với bị cáo:

Lò Thị N, sinh ngày 02/10/1971, tại tỉnh Thanh Hoá; số căn cước công dân: 038171021429; nơi đăng ký thường trú: Bản T, xã S, tỉnh Thanh Hóa; dân tộc: Mường; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: Không biết chữ; con ông Lò Văn T (đã chết), con bà Phạm Thị M (đã chết); bị cáo có chồng Lương Văn N (Đã chết), có 02 con, sinh năm 1990 và 1993.

Tiền án, tiền sự: Không.

Bị cáo bị tạm giữ, tạm giam từ ngày 15/4/2025, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thanh Hóa, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa: Bà Lê Thị Thu Hằng – Trợ giúp viên pháp lý, Trung tâm TGPL Nhà nước tỉnh Thanh Hóa (vắng mặt).

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Khoảng 11 giờ ngày 10/9/2014, tại khu vực suối B thuộc bản X, xã S, huyện Quan Hóa, tỉnh Thanh Hóa (*nay là Bản T, xã S, tỉnh Thanh Hóa*), tổ công tác Công an huyện Quan Hóa (cũ) triển khai lực lượng bắt đối tượng phạm tội về ma túy. Khi tổ công tác áp sát lán ở của Lò Thị N, thì phát hiện Lò Thị N đang ở trong lán, bên ngoài lán có Bùi Xuân H, sinh năm 1990 trú tại xóm Đồng Lạc, xã K, huyện Y, tỉnh Hòa Bình (*nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ*), là con rể của Lò Thị N, đang làm chuồng gà. Phát hiện thấy có lực lượng Công an nên Lò Thị N đã ném 01 túi xách màu nâu qua cửa sổ lán về phía Bùi Xuân H đồng thời nói to: “Con ơi nhặt lấy cho mẹ”, nhưng Huế chưa kịp nhặt thì bị tổ công tác đến khống chế, còn Lò Thị N bỏ trốn vào rừng. Tổ công tác đã lập biên bản bắt người phạm tội quả tang đối với Bùi Xuân H về hành vi mua bán, tàng trữ trái phép chất ma túy và thu giữ các vật chứng sau:

01 túi vải màu nâu có dây đeo và các khoá kéo ở miệng túi, bên trong đựng: 01 túi nylon màu đen chứa cục bột màu trắng; 01 túi nylon màu trắng chứa cục bột màu trắng; 01 túi nylon màu xanh có khoá ở miệng túi, bên trong đựng 14 gói nhỏ nylon màu đen, 10 gói nhỏ nylon màu trắng, 13 gói giấy trắng nhỏ có dòng kẻ, bên trong các gói nhỏ đều đựng chất bột màu trắng;

01 túi nylon màu xanh có khoá ở miệng túi, bên trong đựng 80 viên nén hình tròn màu hồng, trên bề mặt mỗi viên đều dập chìm chữ "WY".

01 điện thoại nhãn hiệu Nokia màu đen của Lò Thị N;

01 điện thoại nhãn hiệu Masstel C258 màu trắng của Bùi Xuân H.

Kết luận giám định số 1120/PC54-MT ngày 12/9/2014 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa kết luận:

- Chất bột màu trắng ngà có tổng trọng lượng 43,69g, qua giám định có thành phần Heroine.

- 80 viên nén hình tròn màu hồng, trên bề mặt có ký hiệu WY có tổng trọng lượng 7,57g, qua giám định có thành phần Methamphetamine (BL 31-32).

Cơ quan điều tra đã nhiều lần triệu tập, xác minh đối với Lò Thị N, tuy nhiên Lò Thị N vắng mặt tại địa phương nên không tiến hành ghi lời khai.

Ngày 15/4/2025, Lò Thị N đầu thú về hành vi mua bán trái phép chất ma túy, xảy ra ngày 10/9/2014 tại Bản T, xã S, tỉnh Thanh Hóa. Cơ quan điều tra đã thu giữ của Lò Thị N 01 điện thoại OPPO màu xanh than.

Hành vi của bị cáo cụ thể như sau:

Sáng ngày 10/9/2014, Lò Thị N đặt mua của một người nam giới tên Chua, dân tộc Mông 01 túi ma túy Heroine với giá 2.500.000 đồng và 80 viên ma túy hồng phiến với giá 800.000 đồng, nhưng chưa thanh toán tiền, rồi chia ma túy Heroine thành nhiều gói nhỏ và cất giấu vào các ngăn túi vải màu nâu rồi đeo ở bụng, mục đích để bán kiếm lời.

Trưa ngày 10/9/2014, Bùi Xuân H đang làm chuồng gà ở lán dưới còn Lò Thị N ở trong lán thì thấy tổ công tác của Công an huyện Quan Hóa (cũ) đến nhà làm việc. Do có ma túy trong túi vải màu nâu mà Lò Thị N đang đeo trên người nên Lò Thị N đã ném chiếc túi về phía Huế đứng dưới lán, đồng thời hô to bằng tiếng Thái “con ơi cầm lấy cho mẹ”, rồi chạy trốn vào rừng.

Quá trình lẩn trốn, biết hành vi mua bán trái phép chất ma túy của mình đã bị phát hiện, nên Lò Thị N không về nhà mà trốn trong rừng nhiều năm, đổi tên thành Lương Thị Nguyên, sau đó đi vào Đà Nẵng lao động tự do. Đến năm 2023, Lò Thị N về nhà và đến Công an xã S, huyện Quan Hóa (cũ) làm căn cước công dân rồi tiếp tục lẩn trốn ở tỉnh Bình Dương và Thành phố Đà Nẵng để tìm việc làm. Ngày 14/4/2025, Cơ quan điều tra phát hiện Lò Thị N đang ở phường Liên Chiêu, Thành phố Đà Nẵng nên triệu tập làm việc. Lò Thị N đã đầu thú, khai báo hành vi mua bán trái phép chất ma túy vào ngày 10/9/2014 tại Bản T, xã S, tỉnh Thanh Hóa (BL 179-198).

Quá trình điều tra, qua kiểm tra chiếc điện thoại di động nhãn hiệu Nokia màu đen thu giữ của Lò Thị N và điện thoại nhãn hiệu Masstel C258 màu trắng thu giữ của Bùi Xuân H phát hiện: Số thuê bao tại máy điện thoại nhãn hiệu Masstel C258 màu trắng của Huế có tin nhắn đến máy điện thoại của Lò Thị N thể hiện các nội dung liên quan đến hành vi mua bán trái phép chất ma túy của Lò Thị N.

Đối với Bùi Xuân H: Quá trình điều tra không đủ căn cứ khởi tố bị can đối với Bùi Xuân H. Ngày 13/9/2014, Cơ quan CSĐT Công an huyện Quan Hóa (cũ) đã ra Quyết định trả tự do đối với Huế. Năm 2015, Bùi Xuân H đã chết do bị bệnh hiểm nghèo tại xã Đ, huyện S, tỉnh Hoà Bình (*nay là xã Y, tỉnh Phú Thọ*).

Đối với Lương Thị N: Ban đầu Ngân khai biết và tham gia bán ma túy cùng với Lò Thị N, nhưng sau đó Ngân khai không biết, không tham gia bán ma túy với Lò Thị N. Ngoài lời khai ban đầu của Ngân thì không có các tài liệu khác chứng minh việc Ngân đồng phạm với Lò Thị N. Căn cứ lời khai của Lương Thị N, Lò Thị N và các tài liệu điều tra đã thu thập được, xác định việc Ngân giúp Lò Thị N bán ma túy là không có căn cứ, nên không xử lý hình sự trong vụ án này.

Đối với Lương Văn Th (sinh năm 1985) và Ngân Văn T (sinh năm 1981): Lò Thị N khai nhiều lần bán ma túy cho Lương Văn T và Ngân Văn T, đều trú tại Bản T, xã S, tỉnh Thanh Hóa. Tiến hành xác minh, Th đã chết do bị bệnh hiểm nghèo năm 2020, T đã chết do bệnh HIV vào năm 2013 nên không có căn cứ chứng minh việc Lò Thị N đã bán ma túy cho Th và T.

Đối với người đàn ông tên Chua: Lò Thị N khai đã bán ma túy cho Lò Thị N nhưng không biết tên, tuổi địa chỉ cụ thể của Chua nên không có căn cứ xác minh làm rõ.

Tại bản Cáo trạng số 06/CT-VKS-P1 ngày 03/10/2025 của Viện trưởng Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Thanh Hóa đã truy tố bị cáo Lò Thị N về tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, theo điểm h khoản 3 Điều 194 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009).

Tại phiên tòa sơ thẩm, đại diện Viện kiểm sát nhân dân khu vực 13 – Thanh Hóa giữ nguyên quyết định truy tố và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng điểm h khoản 3 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đề nghị xử phạt bị cáo Lò Thị N từ 16 năm 06 tháng đến 17 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù của bị cáo tính từ ngày tạm giữ 15/4/2025. Không đề nghị áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

- Về xử lý vật chứng: Áp dụng khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), khoản 2 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự. Đề nghị: Tịch thu tiêu hủy toàn bộ số ma túy còn lại sau giám định; tịch thu tiêu hủy 01 điện thoại NOKIA 105 và 01 điện thoại Mastel C258, kèm 02 sim điện thoại do không còn giá trị sử dụng; tịch thu tiêu hủy 01 túi vải không còn giá trị sử dụng.

Trả lại bị cáo Lò Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO do không liên quan đến hành vi phạm tội.

- Về án phí: Bị cáo phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Tại bản Luận cứ bào chữa cho bị cáo Lò Thị N, người bào chữa đề nghị HĐXX áp dụng điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33, điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) để quyết định ở mức thấp nhất của khung hình phạt, tạo điều kiện cho bị cáo yên tâm cải tạo, sớm về với gia đình và trở thành người công dân có ích cho xã hội. Đề nghị HĐXX xem xét không áp dụng hình phạt bổ sung đối với bị cáo.

Tại phiên tòa, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như cáo trạng đã truy tố và xin giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TOÀ ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Về hành vi, quyết định của các cơ quan tiến hành tố tụng và người tiến hành tố tụng: Cơ quan điều tra, Điều tra viên, Viện kiểm sát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng thẩm quyền, trình tự, thủ tục tố tụng theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự.

[2] Về nội dung: Quá trình điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo Lò Thị N đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình như nội dung Cáo trạng đã nêu trên. Lời khai nhận tội của bị cáo phù hợp với tang vật thu giữ, kết quả kiểm tra điện thoại của bị cáo và của đối tượng mua ma túy, phù hợp với lời khai của người làm chứng, chứng kiến về thời gian, địa điểm phạm tội, vật chứng thu giữ, kết quả giám định ma túy, cũng như các tài liệu, chứng cứ khác đã được thu thập khách quan đúng pháp luật có trong hồ sơ vụ án. Do đó có đủ căn cứ để kết luận:

Ngày 10/9/2014, tại Bản T, xã S, tỉnh Thanh Hóa, Lò Thị N có hành vi cất giấu 43,69g ma túy loại Heroine và 7,57g ma túy loại Methamphetamine, thì bị Công an huyện Quan Hóa (cũ) phát hiện, bắt quả tang. Số ma túy này bị cáo khai báo mua được từ một người đàn ông không quen biết, mục đích tàng trữ để bán kiếm lời.

Thời điểm bị cáo thực hiện hành vi phạm tội, được điều chỉnh bởi Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), đang trong thời hiệu truy cứu trách nhiệm hình sự.

Hành vi của bị cáo Lò Thị N đã phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”, tội phạm và hình phạt được quy định tại điểm h khoản 3 Điều 194 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009) có khung hình phạt từ 15 năm đến 20 năm tù.

[3] Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, xâm phạm đến chính sách độc quyền quản lý của nhà nước về ma túy, là nguyên nhân phát sinh các loại tội phạm khác và các tệ nạn xã hội, ảnh hưởng xấu đến an ninh, trật tự an toàn xã hội tại địa phương.

[4] Xét tính chất, mức độ nghiêm trọng của tội phạm, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân của người phạm tội, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Bị cáo là người đã thành niên, có đầy đủ năng lực trách nhiệm hình sự, bản thân nhận thức rõ việc cất giữ ma túy để bán, bị pháp luật nghiêm cấm nhưng vẫn cố tình thực hiện.

Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự: Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào.

Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Quá trình điều tra và tại phiên toà bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải, là người dân tộc thiểu số và không biết chữ, nhận thức pháp luật hạn chế, bị cáo đã ra đầu thú, nên được hưởng tình tiết giảm nhẹ theo quy định tại điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46 Bộ luật Hình sự.

Xét thấy bị cáo không bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự và có 02 tình tiết giảm nhẹ, bản thân bị cáo không biết chữ, nhận thức pháp luật còn hạn chế. Hành vi của bị cáo thực hiện từ năm 2014, đến nay đã giảm đi phần nào tính chất mức độ nguy hiểm của hành vi phạm tội cho cộng đồng và xã hội. Do đó khi áp dụng hình phạt là tù có thời hạn cũng cần xem xét giảm nhẹ một phần hình phạt cho bị cáo, để bị cáo thấy được sự khoan hồng của pháp luật, từ đó tu dưỡng, cải tạo mình trở thành công dân tốt, sớm quay về hoà nhập với gia đình, xã hội. Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát đề nghị buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt tù từ 16 năm 06 tháng đến 17 năm là có căn cứ, đủ sức răn đe, giáo dục và phòng ngừa chung nên được Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về hình phạt bổ sung: Bị cáo là người dân tộc thiểu số, không có thu nhập và tài sản gì, nên không áp dụng hình phạt bổ sung bằng tiền đối với bị cáo.

[6] Về xử lý vật chứng:

Đối với lượng ma túy hoàn lại sau giám định được đựng trong 01 phong bì dán kín niêm phong, do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, có các chữ ký Nguyễn Quang Hùng, Lại Thị Thanh Loan, Nguyễn Tuấn Dũng. Đây là vật phẩm cấm lưu hành, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 điện thoại NOKIA 105 là điện thoại mà bị cáo đã sử dụng để liên hệ mua bán ma túy, và 01 điện thoại Mastel C258 của Bùi Xuân H (đã chết), kèm 02 sim điện thoại, được cơ quan công an thu giữ năm 2014 khi phát hiện hành vi phạm tội, đang được đựng trong 01 phong bì dán kín, niêm phong, do phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, có các chữ ký Trần Thị Hồng và Hoàng Thị Hạnh, hiện đã hư hỏng, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 túi vải bị cáo Lò Thị N sử dụng để cất giấu ma túy, không còn giá trị sử dụng, cần tịch thu tiêu hủy.

Đối với 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO thu giữ của bị cáo Lò Thị N khi bị cáo đầu thú, qua kiểm tra không chứa dữ liệu điện tử liên quan đến hành vi phạm tội; xác định không phải là vật chứng của vụ án, nên được trả lại cho bị cáo Lò Thị N quản lý, sử dụng.

[7] Về các vấn đề khác: Bị cáo không thuộc đối tượng được miễn án phí, do đó phải chịu án phí hình sự sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Lò Thị N phạm tội “*Mua bán trái phép chất ma túy*”.

Căn cứ điểm h khoản 3 Điều 194, điểm p khoản 1, khoản 2 Điều 46, Điều 33 của Bộ luật Hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009): Xử phạt bị cáo Lò Thị N 16 (*mười sáu*) năm 09 (*chín*) tháng tù. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giữ 15/4/2025.

Căn cứ điểm a, c khoản 1 Điều 41 Bộ luật hình sự năm 1999 (sửa đổi, bổ sung năm 2009), điểm a khoản 2, khoản 3 Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự:

Tịch thu tiêu huỷ toàn bộ lượng ma túy còn lại sau giám định, cùng bao gói niêm phong. Tất cả được đựng trong 01 phong bì dán kín, niêm phong, do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, có các chữ ký Nguyễn Quang Hùng, Lại Thị Thanh Loan, Nguyễn Tuấn Dũng.

Tịch thu tiêu huỷ 01 điện thoại NOKIA 105 và 01 điện thoại Mastel C258, kèm 02 sim điện thoại do không còn giá trị sử dụng. Tất cả được đựng trong 01 phong bì dán kín, niêm phong, do Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Thanh Hóa phát hành, có các chữ ký Trần Thị Hồng và Hoàng Thị Hạnh.

Tịch thu tiêu huỷ 01 túi vải không còn giá trị sử dụng.

Trả lại bị cáo Lò Thị N 01 (một) điện thoại di động nhãn hiệu OPPO màu xanh than do không liên quan đến hành vi phạm tội.

(Vật chứng trên hiện đang được bảo quản tại Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Thanh Hóa, đặc điểm như Biên bản giao nhận vật chứng số 12 ngày 29/10/2025 giữa Cơ quan CSĐT – Công an tỉnh Thanh Hóa và Phòng Thi hành án dân sự khu vực 13 – Thanh Hóa).

Căn cứ khoản 2 Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, khoản 1 Điều 23 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội:

Buộc bị cáo Lò Thị N phải chịu 200.000 đồng án phí hình sự sơ thẩm nộp Ngân sách nhà nước.

Căn cứ Điều 331 và Điều 333 Bộ luật tố tụng hình sự: Bị cáo được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Thanh Hoá;
- VKSND tỉnh Thanh Hóa;
- VKSND khu vực 13 – Thanh Hoá;
- Công an tỉnh Thanh Hoá;
- Phân trại tạm giam Quan Hoá - TH;
- Bị cáo; Người bào chữa;
- THADS tỉnh Thanh Hoá;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Xuân Hoàng